

THỰC TRẠNG VÀ MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ VÀ TRƯỜNG DỰ BỊ ĐẠI HỌC

ThS. LÊ NHƯ XUYỀN - Bộ Giáo dục & Đào tạo

TS. NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO - Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

1. Đặt vấn đề

Nghị quyết số 29-NQ/TW Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khóa XI xác định: "Ưu tiên đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo ở các vùng đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số và các đối tượng diện chính sách". Nghị quyết vừa là cơ sở, vừa là động lực để tiếp tục phát triển giáo dục dân tộc, đáp ứng với yêu cầu ngày càng cao của phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc và miền núi trong thời kì công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

2. Thực trạng phát triển hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú và dự bị đại học hiện nay

2.1. Thực trạng phát triển hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú

Năm học 2013-2014, hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDTNT) có ở 50 tỉnh/thành phố với 304 trường (03 trường trực thuộc Bộ Giáo dục & Đào tạo, 50 trường cấp tỉnh, 251 trường cấp huyện) với quy mô 86.708 học sinh, trong đó cấp Trung học cơ sở (THCS): 55.314 em (63,8%), Trung học phổ thông (THPT): 31.394 em (36,2%). Học sinh trường PTDTNT chiếm khoảng 7,9% so với tổng số học sinh cấp THCS và THPT của cả nước.

Đa số các trường PTDTNT tuyển sinh theo phương thức kết hợp thi tuyển với xét tuyển, vì vậy chất lượng đầu vào của các trường đã có những cải thiện đáng kể. Các trường thực hiện nghiêm túc chương trình, nội dung và kế hoạch giáo dục năm học, tổ chức dạy học 2 buổi/ngày theo chuẩn kiến thức, kĩ năng của chương trình giáo dục phổ thông cấp THCS và THPT. Hoạt động giáo dục hướng nghiệp - dạy nghề phổ thông thực hiện theo quy định của chương trình giáo dục phổ thông. Các hoạt động giáo dục đặc thù được chú trọng: tổ chức và quản lí học sinh nội trú; tổ chức nấu ăn và chăm sóc sức khỏe cho học sinh; hướng dẫn HS tự học; tổ chức đời sống tinh thần và vui chơi cho HS;...

Do tính chất đặc thù của trường chuyên biệt nên các địa phương ưu tiên bố trí thêm biên chế giáo viên cho các trường PTDTNT để thực hiện dạy học 2 buổi/ngày và tổ chức các hoạt động giáo dục đặc thù. Năm học 2013-2014, tổng số cán bộ quản lí, giáo viên, nhân viên trong các trường PTDTNT là 11.918 người. Trong đó, cán bộ quản lí là 886 người; giáo viên trực tiếp đứng lớp là 6.844 người; đội ngũ nhân viên là 4.188 người. Nhìn chung, đội ngũ giáo viên các trường cơ bản đủ về cơ cấu, đạt chuẩn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.

Cơ sở vật chất, thiết bị trường PTDTNT được đầu tư bằng nguồn kinh phí chủ yếu từ Chương trình mục tiêu quốc gia giáo dục và đào tạo, kết hợp với các nguồn khác của địa phương. Về cơ bản, cơ sở vật chất của các trường đã đáp ứng được yêu cầu của các hoạt động giáo dục trong nhà trường. Khoảng 23% số

trường trong hệ thống PTDTNT đã đạt chuẩn quốc gia.

Về chế độ chính sách, học sinh trường PTDTNT được hưởng học bổng bằng 80% mức lương tối thiểu chung/học sinh/tháng và được hưởng 12 tháng/năm theo Quyết định số 82/2006/QĐ-TTg ngày 14/4/2006 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 152/2007/QĐ-TTg ngày 14/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ. Ngoài ra, học sinh còn được hưởng các chế độ ưu đãi thực hiện theo Thông tư liên tịch số 109/2009/TTLT-BGD&ĐT-BTC. Học sinh của 9 dân tộc rất ít người (Ơ Đu, Pu Péo, Si La, Rơ Măm, Cống, Brâu, Bô Y, Mảng, Cờ Lao) của 6 tỉnh Lào Cai, Hà Giang, Điện Biên, Lai Châu, Nghệ An, Kon Tum học tại các trường PTDTNT cấp huyện và cấp tỉnh được hưởng học bổng bằng 100% mức lương tối thiểu chung/học sinh/tháng và hưởng 12 tháng/năm (Quyết định số 2123/QĐ-TTg ngày 22 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Phát triển giáo dục đối với các dân tộc rất ít người giai đoạn 2010-2015). Cùng với các chính sách hỗ trợ của Nhà nước, học sinh trường PTDTNT ở một số tỉnh còn được hưởng chính sách hỗ trợ, ưu đãi của địa phương như: hỗ trợ tiền điện, nước hằng tháng cho HS nội trú, hỗ trợ sinh hoạt phí,...

Các chính sách đối với nhà giáo và cán bộ quản lí ở trường PTDTNT được quy định tại Nghị định số 61/2006/NĐ-CP ngày 20/6/2006 của Chính phủ; Nghị định số 19/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2013 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2006/NĐ-CP; Nghị định số 116/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Chất lượng giáo dục của hệ thống trường PTDTNT được nâng lên qua từng năm học. Học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt, khá hằng năm đạt trên 95%. Học sinh học tập chuyên cần, có ý thức rèn luyện tu dưỡng đạo đức tốt. Trong 5 năm (2008-2013), có hơn 50.000 học sinh tốt nghiệp THCS tại các trường PTDTNT, trong đó, khoảng 30% tiếp tục vào học cấp THPT ở các trường PTDTNT tỉnh, huyện, trung ương; 60% vào các trường phổ thông công lập trên địa bàn; 10% vào học các trường trung cấp chuyên nghiệp, cơ sở dạy nghề và về địa phương tham gia công tác và lao động sản xuất. Hơn 25.000 học sinh các trường PTDTNT tốt nghiệp THPT, trong đó, khoảng 50% thi đỗ vào đại học, cao đẳng, khoảng 20% vào dự bị đại học (DBĐH) và đi học cử tuyển, 30% vào trung cấp chuyên nghiệp, dạy nghề và về địa phương tham gia công tác, lao động sản xuất.

2.2. Thực trạng phát triển hệ thống trường DBĐH

Toàn quốc hiện có 4 trường DBĐH với quy mô khoảng 3.500 học sinh/năm, gồm Trường DBĐH Dân tộc Trung ương Việt Trì, Trường DBĐH Dân tộc Sầm



Sơn, Trường DBĐH Dân tộc Trung ương Nha Trang, Trường DBĐH Dân tộc TP. Hồ Chí Minh. Ngoài ra, còn có khoa DBĐH ở một số trường như Trường Phổ thông Vùng cao Việt Bắc, Trường Đại học Tây Bắc, Trường Đại học Tây Nguyên, Trường Đại học Cần Thơ, Trường Đại học Trà Vinh với quy mô trên 2.000 học sinh/năm.

Hàng năm, các trường DBĐH đã tuyển sinh đủ số lượng học sinh theo chỉ tiêu của Bộ Giáo dục & Đào tạo phân bổ. Trường DBĐH TP. Hồ Chí Minh năm học 2012-2013 (chỉ tiêu được giao 750; tuyển được 769) năm học 2013-2014 (chỉ tiêu được giao 790; tuyển được 810). Trường DBĐH Dân tộc Sầm Sơn năm học 2012-2013 (chỉ tiêu được giao 800; tuyển được 806) năm học 2013-2014 (chỉ tiêu được giao 840; tuyển được 843). Trường DBĐH Dân tộc Trung ương năm học 2012-2013 (chỉ tiêu được giao 860; tuyển được 906) năm học 2013-2014 (chỉ tiêu được giao 900; tuyển được 951). Trường Vùng cao Việt Bắc năm học 2012-2013 (chỉ tiêu được giao 700; tuyển được 710) năm học 2013-2014 (chỉ tiêu được giao 735; tuyển được 738). Công tác quản lý, bồi dưỡng, đánh giá kết quả học tập của học sinh được thực hiện theo quy định của Bộ. Để nâng cao chất lượng dạy và học, các trường đã chủ động xây dựng kế hoạch và tổ chức bồi dưỡng cho học sinh yếu. Sau một năm bồi dưỡng, hầu hết học sinh đều có kết quả xếp loại học tập từ trung bình trở lên, đủ điều kiện và được phân bổ vào học tại các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp. Một số trường, ngoài việc bồi dưỡng kiến thức văn hóa cho học sinh dự bị còn đảm nhiệm việc bồi dưỡng tiếng Anh, tin học cho các cán bộ và dạy tiếng Việt cho lưu học sinh của Lào và Campuchia như Trường DBĐH TP. Hồ Chí Minh.

Học sinh dự bị được nhà trường quan tâm, tạo mọi điều kiện thuận lợi về nơi ăn, nghỉ, sinh hoạt tập thể. Công tác y tế vệ sinh học đường luôn được chú ý, học sinh được mua bảo hiểm y tế và chăm sóc sức khỏe thường xuyên. Nhà trường bố trí bếp ăn tập thể, nhân viên phục vụ bữa ăn riêng cho học sinh theo đúng quy định; chất lượng phục vụ đảm bảo tiêu chuẩn, hợp vệ sinh, an toàn thực phẩm.

Giáo viên và cán bộ quản lý các trường DBĐH đều đạt chuẩn về trình độ đào tạo. Nhiều trường có tỉ lệ cao về giáo viên có trình độ thạc sĩ (Trường DBĐH Dân tộc Trung ương (38,8%); Trường DBĐH Dân tộc Sầm Sơn (54,8%); Trường DBĐH Dân tộc Trung ương Nha Trang (35,5%); Trường DBĐH TP. Hồ Chí Minh (68,2%).

Chế độ, chính sách cho cán bộ, giáo viên và học sinh được các trường DBĐH thực hiện theo đúng các quy định của Nhà nước. Ngoài chính sách của Nhà nước, một số trường còn chủ động tìm những nguồn học bổng từ các doanh nghiệp, công ty, các cơ quan khác cho những học sinh có thành tích học tập, rèn luyện tốt và xét trợ cấp đột xuất cho những học sinh có hoàn cảnh khó khăn vươn lên trong học tập.

3. Một số hạn chế của hệ thống trường PTDTNT và DBĐH

Hệ thống trường PTDTNT và DBĐH vẫn còn bộc lộ những hạn chế, bất cập. Một số địa phương chưa quy hoạch phù hợp cho hệ thống trường PTDTNT, chưa đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia. Có địa phương chưa

quy hoạch được vị trí đặt trường PTDTNT cấp huyện, cấp tỉnh; có trường được thành lập với quy mô 04 lớp (khoảng 150 HS). Một số địa phương phát triển nóng về quy mô trường PTDTNT, trong khi công tác quy hoạch đào tạo cán bộ dân tộc thiểu số chưa cụ thể, chưa có sự chuẩn bị tốt các điều kiện đáp ứng (khó khăn về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, khó khăn về điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe học sinh nội trú,...), vì vậy việc tổ chức các hoạt động giáo dục của nhà trường gặp nhiều khó khăn.

Chất lượng giáo dục chưa đồng đều trong hệ thống. Kết quả học tập của học sinh ở một số trường PTDTNT còn thấp so với mặt bằng chung... Tỉ lệ học sinh trường PTDTNT có học lực yếu, kém ở một số trường còn khá cao (năm học 2013-2014, một số trường có tỉ lệ học sinh xếp loại học lực yếu, kém trên 15%, ví dụ: Kon Tum, Cà Mau, Hậu Giang, Bình Thuận). Phân cấp quản lý hệ thống trường ở một số địa phương chưa thực hiện theo đúng quy định. Do đó, chưa thống nhất trong việc quản lý và chỉ đạo hệ thống trường này. Chất lượng, cơ cấu đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý trường PTDTNT còn nhiều bất cập. Một số quy định đối với trường PTDTNT chưa phù hợp. Cơ sở vật chất chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển quy mô và nâng cao chất lượng giáo dục của trường PTDTNT. Quỹ đất của nhiều trường PTDTNT rất chật hẹp. Hầu hết hạng mục công trình đã xuống cấp trầm trọng. Nhiều hạng mục phục vụ cho hoạt động giáo dục và nuôi dưỡng học sinh chưa được đầu tư như: phòng học bộ môn, thư viện, nhà tập đa năng, phòng y tế, công trình vệ sinh, nước sạch,... Những bất cập này ảnh hưởng không nhỏ tới chất lượng dạy học và các hoạt động giáo dục của nhà trường. Việc xây dựng trường PTDTNT đạt chuẩn quốc gia còn chậm.

Một số địa phương chưa thực sự quan tâm chỉ đạo quyết liệt để củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục của các trường PTDTNT. Một số cơ sở giáo dục và đào tạo chưa chủ động trong công tác tham mưu, xây dựng kế hoạch củng cố, nâng cao chất lượng giáo dục của các trường PTDTNT. Năng lực của một số cán bộ quản lý trường PTDTNT còn hạn chế, đặc biệt là việc tổ chức, quản lý các hoạt động giáo dục đặc thù trong nhà trường. Công tác tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương nhằm huy động các nguồn lực để phát triển trường PTDTNT chưa hiệu quả.

Nguồn lực đầu tư cho giáo dục vùng dân tộc và miền núi chưa đáp ứng yêu cầu. Nhu cầu xây mới, bổ sung, nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất trường PTDTNT của các địa phương rất lớn, trong khi nguồn vốn chủ yếu bố trí từ Chương trình mục tiêu quốc gia giáo dục và đào tạo hàng năm rất hạn hẹp. Hầu hết các địa phương có trường PTDTNT đều thuộc vùng dân tộc và miền núi có tỉ lệ hộ nghèo cao, đa phần các huyện, xã thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, huyện nghèo thuộc Nghị quyết 30a của Chính phủ, đời sống của đa số đồng bào vùng dân tộc, miền núi còn thấp.

Với các trường DBĐH, chất lượng giáo dục, bồi dưỡng kiến thức văn hóa chưa cao. Một bộ phận học sinh còn hạn chế trong vận dụng kiến thức, kĩ năng; tỉ lệ xếp loại khá, giỏi thấp; cá biệt có những học sinh

không đủ điều kiện để xét tuyển vào các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp.

Việc định hướng nghề nghiệp cho học sinh còn gặp nhiều khó khăn. Hầu hết học sinh đều có nguyện vọng vào các trường đại học có điểm tuyển sinh cao, như khối các trường Y, Dược, Kinh tế, Luật... Công tác quản lý học sinh còn gặp một số khó khăn do thiếu chế tài thực hiện.

Việc quản lý, sử dụng và áp dụng thời gian làm việc cho giáo viên ở các trường còn bất hợp lý, chưa phù hợp với đặc thù trường DBĐH. Việc tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhà giáo trong các trường DBĐH chưa thực sự được quan tâm.

Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật đối với trường DBĐH chưa hoàn thiện, một số văn bản hiện có còn bộc lộ hạn chế, bất cập nhưng chưa được sửa đổi, bổ sung kịp thời. Công tác quản lý, chỉ đạo chưa được thường xuyên, hiệu quả quản lý chưa được cao.

Công tác tuyển sinh trường DBĐH còn gặp nhiều khó khăn do chất lượng đầu vào thấp, không đồng đều giữa các tỉnh (mặc dù cùng sinh sống, cùng dân tộc nhưng điểm vào trường chênh nhau khá nhiều giữa các vùng). Chương trình giảng dạy ở trường DBĐH còn bất cập và chưa phù hợp với học sinh. Một bộ phận học sinh chưa có ý thức rèn luyện và tu dưỡng đạo đức, còn có tư tưởng trông chờ vào chính sách ưu tiên của Nhà nước.

4. Một số định hướng phát triển hệ thống trường PTDTNT và DBĐH

Hệ thống trường PTDTNT, DBĐH cần đổi mới theo định hướng mục tiêu phát triển, hoàn chỉnh mạng lưới, quy mô các trường PTDTNT, DBĐH ở vùng dân tộc thiểu số, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo hướng trường trung học đạt chuẩn quốc gia; đảm bảo các điều kiện giáo dục đặc thù; nâng cao chất lượng giáo dục và hiệu quả đào tạo, phấn đấu các trường này trở thành trường hàng đầu về chất lượng giáo dục ở vùng dân tộc thiểu số, miền núi; thực hiện tốt nhiệm vụ tạo nguồn đào tạo nhân lực dân tộc thiểu số có chất lượng, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của vùng dân tộc thiểu số, miền núi trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Đề thực hiện mục tiêu đổi mới cần tính đến một số nhiệm vụ và giải pháp cơ bản sau:

Một là, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cấp ủy, chính quyền địa phương và cộng đồng về sự cần thiết phải đổi mới hệ thống trường PTDTNT, DBĐH nhằm tạo nguồn đào tạo cán bộ và tạo nguồn nhân lực. Chú trọng công tác tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông của trung ương và địa phương; qua đó, tranh thủ sự ủng hộ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, huy động các nguồn lực hợp pháp hỗ trợ đầu tư phát triển các hệ thống trường này;

Hai là, đổi mới và nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý. Tập trung hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật, các quy định, hướng dẫn và tăng cường các điều kiện hỗ trợ hoạt động giáo dục của các nhà trường, đảm bảo hệ thống trường này phát triển bền vững, có đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu của

việc đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục, cụ thể: a/ Sửa đổi Quy chế Tổ chức và hoạt động của trường PTDTNT (ban hành kèm theo Quyết định số 49/2008/QĐ-BGDĐT ngày 25 tháng 8 năm 2008 của Bộ trưởng BGD&ĐT); b/ Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 25/2010/TT-BGDĐT ngày 13 tháng 10 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo Ban hành Quy chế tuyển chọn, tổ chức bồi dưỡng và xét tuyển vào học trình đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp đối với học sinh hệ DBĐH; c/ Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 59/2008/TT-BGDĐT hướng dẫn định mức biên chế sự nghiệp giáo dục ở các trường chuyên biệt công lập. Đảm bảo vị trí việc làm, số lượng viên chức trong các trường DBĐH, PTDTNT, phổ thông dân tộc bán trú phù hợp, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của cơ sở giáo dục đặc thù; d/ Phối hợp với Bộ Tài chính trong việc sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 109/2009/TTLT/BTC-BGDĐT ngày 29 tháng 5 năm 2009 của Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục & Đào tạo hướng dẫn một số chế độ tài chính đối với học sinh trường PTDTNT và DBĐH; e/ Hướng dẫn công tác tuyển sinh của trường DBĐH phù hợp với phương án thi tốt nghiệp THPT và tuyển sinh đại học, cao đẳng từ năm 2015. Xây dựng Quy chế quản lý học sinh các trường PTDTNT, DBĐH; f/ Xây dựng chương trình dạy học và tài liệu tham khảo cho hệ DBĐH; hướng dẫn thực hiện chương trình giáo dục phù hợp với việc dạy học 2 buổi/ngày của các trường PTDTNT. Tổ chức bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên các trường PTDTNT, DBĐH đáp ứng mục tiêu đổi mới giáo dục phổ thông sau 2015.

Ba là, rà soát quy hoạch mạng lưới, quy mô các trường PTDTNT, DBĐH. Khắc phục tình trạng phát triển nóng về quy mô trường PTDTNT, DBĐH trong khi chưa có sự chuẩn bị tốt các điều kiện đáp ứng, hoặc trường có quy mô quá nhỏ không phù hợp với các yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục. Đảm bảo các điều kiện để tăng quy mô học sinh PTDTNT cấp THPT, đáp ứng nhu cầu liên thông trong đào tạo học sinh PTDTNT của các địa phương; mở rộng đối tượng được bồi dưỡng chương trình DBĐH trong các trường/khoa DBĐH.

Bốn là, tiếp tục ưu tiên nguồn vốn trung ương và địa phương, đồng thời huy động các nguồn lực hợp pháp khác xây dựng mới các trường PTDTNT; bổ sung, nâng cấp các hạng mục công trình của các trường PTDTNT, DBĐH hiện có theo hướng trường trung học đạt chuẩn quốc gia và đảm bảo điều kiện để thực hiện giáo dục đặc thù.

Năm là, tiếp tục củng cố, hoàn thiện và ổn định bộ phận đầu mối quản lý, chỉ đạo về giáo dục dân tộc tại các địa phương. Hướng dẫn, chỉ đạo các trường PTDTNT, DBĐH nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tự thanh tra, kiểm tra. Tăng cường hoạt động thanh tra, kiểm tra các trường PTDTNT, DBĐH. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách đối với học sinh, nhà giáo và cán bộ quản lý các trường.

5. Kết luận

Với sự quan tâm sâu sắc của Đảng và Nhà nước, sự phối hợp của các cấp, ngành trung ương và địa phương, sự nỗ lực phát huy nội lực, trong thời gian tới hệ thống trường PTDTNT, DBĐH trong toàn quốc sẽ tạo ra những chuyển biến mạnh mẽ, xứng đáng là

trường hàng đầu về chất lượng giáo dục vùng DTTS, miền núi đáp ứng tốt yêu cầu tạo nguồn đào tạo cán bộ người DTTS, nguồn nhân lực có chất lượng và bồi dưỡng nhân tài cho đất nước trong thời kì công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. *Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI (Nghị quyết số 29-NQ/TW) về Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo*, 2013, Hà Nội.
- [2]. *Nghị quyết số 44/NQ-CP ngày 9/6/2014 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW*, 2014, Hà Nội.
- [3]. *Quyết định số 2653/QĐ-BGDĐT ngày 25/7/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo Ban hành Kế hoạch hành động của ngành Giáo dục triển khai Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW*, 2014, Hà Nội.
- [4]. *Thông báo số 894/TB-BGDĐT ngày 07/10/2014*

của Bộ Giáo dục & Đào tạo về Kết luận của Thứ trưởng Nguyễn Thị Nghĩa tại cuộc họp về trường phổ thông dân tộc nội trú và trường dự bị đại học, 2014, Hà Nội.

[5]. *Báo cáo số 176/BC-BGDĐT ngày 26/3/2014 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về sơ kết 03 năm thực hiện Quyết định 1640/QĐ-TTg ngày 21/9/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Củng cố và Phát triển hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú giai đoạn 2011 – 2015.*

SUMMARY

The paper presents the current situation and system-oriented development of boarding high schools and preparatory university schools. The achievements and limitations in the development of school system were displayed. Information and boarding college preparatory school today. Then, the author gave some orientations to develop propagation for local authorities in terms of ethnic education, management innovation, improvement of relevant documents, etc ..

THIẾT KẾ CHUẨN HỌC TẬP... (Tiếp theo trang 7)

Các năng lực khác (năng lực giao tiếp, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực thẩm mỹ...) sẽ đồng thời được phát triển trong quá trình HS thực hành các kĩ năng đọc – viết – nói – nghe. Theo chúng tôi, nội dung dạy học của chương môn Ngữ văn trong giai đoạn tới nên thiết kế theo những mạch sau đây:

- Kiến thức tiếng Việt và Văn học. Cụ thể :
 - + Kiến thức văn học: Văn bản (văn bản văn học, văn bản nhật dụng); Lịch sử văn học (giai đoạn và tác giả); Lí luận văn học (tác phẩm, thể loại, các biện pháp nghệ thuật...)
 - + Kiến thức tiếng Việt: Ngữ âm, Từ vựng, Ngữ pháp, Phong cách ngôn ngữ và biện pháp tu từ, hoạt động giao tiếp (Các kiến thức tiếng Việt được học theo hướng thực hành, vận dụng vào thực tiễn giao tiếp). Kiến thức Tập làm văn sẽ lồng vào việc đọc hiểu và thực hành viết các loại hình văn bản.

- Kĩ năng sử dụng ngôn ngữ: đọc, viết, nói – nghe.
Với các mạch nội dung học tập trên đây, chương trình từng cấp, từng lớp học sẽ lựa chọn những kiến thức, kĩ năng phù hợp với mỗi độ tuổi và hướng vào việc hình thành và phát triển các kĩ năng chung và kĩ năng môn học.

Chúng tôi xin đề xuất một cách thiết kế chuẩn học tập cho môn Tiếng Việt (hoặc Ngữ văn) cấp Tiểu học (Xem bảng 2 trang 7). Từ những phác thảo này, chúng tôi sẽ tiếp tục xác định mức độ cụ thể cần đạt cho từng lớp hoặc từng giai đoạn học tập cho phù hợp năng lực HS trong từng độ tuổi.

3. Kết luận

Chuẩn học tập môn Ngữ văn phác thảo trên đây chủ yếu là muốn đưa ra một phương án thiết kế chuẩn theo định hướng năng lực, trong đó thể hiện rõ cấu trúc của các thành tố của chuẩn cũng như các

thành tố của năng lực. Để xây dựng được bộ chuẩn học tập môn Tiếng Việt/Ngữ văn phổ thông đòi hỏi sự đóng góp trí tuệ, tâm huyết, công sức của các nhà quản lí giáo dục, các chuyên gia giáo dục và các thầy cô giáo trực tiếp giảng dạy ở phổ thông. Để đảm bảo tính khả thi của chuẩn nói riêng và của chương trình nói riêng, chương trình và chuẩn môn học cần được thử nghiệm qua thực tế dạy học trước khi chính thức ban hành, vận dụng vào thực tiễn dạy học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. *Chương trình Giáo dục phổ thông Hàn Quốc (Thông báo số 361-2011 của Bộ Giáo dục, Khoa học & Công nghệ Giáo dục Hàn Quốc, Bộ trưởng Bộ Giáo dục, Khoa học & Công nghệ Hàn Quốc kí ngày 09 /08/ 2011) (Tài liệu dịch).*
- [2]. Australian Curriculum, Assessment and Reporting Authority (ACARA), *Australian Curriculum 2010.*

SUMMARY

In the current trend, the general education curriculum was developed towards competence development. Designing learning standard of subjects should clarify the cohesion of elements in competence structure. Therefore, in this article, the author presented the design of learning standard in Vietnamese subject towards competence development. From educational experience in the past and the international lessons-learnt, the author suggested plans to design learning standard in Vietnamese subject that clearly expressed structure of elements belonging to standard and elements of competence as well.